

Bản án số: 644/2024/HSPT
Ngày 14 tháng 8 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Điền

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Nam Thành
Bà Trần Thị Quỳnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Minh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hồng Phong, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 609/2024/TLPT-HS ngày 27 tháng 5 năm 2024 đối với các bị cáo Ngô Thị Kim L, Lê Viết H, Đặng Tuấn N. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 223/2024/HS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Ngô Thị Kim L, sinh năm 1961; nơi ĐKKHKT: Nhà số A, T, phường N, quận B, thành phố Hà Nội; nơi ở: Nhà số A, Ngõ B, đường X, phường X, quận B, thành phố Hà Nội; giới tính: nữ; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 07/10; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Ngọc L1 và bà Nguyễn Thị N1 (đã chết); có chồng là Hoàng Văn S (đã ly hôn) và 02 con (sinh năm 1985 và năm 1988); tiền án, tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 27/02/2023 tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H (có mặt).

2. Lê Viết H, sinh năm 1984; nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn A, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; giới tính: nam; nghề nghiệp: lao động tự do (nguyên là Công an, đã bị tước quân tịch năm 2020); trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Viết V (đã chết) và bà Lê Thị K; có vợ là Lương Thị Ánh T (đã ly hôn) và 02 con (sinh năm 2013 và năm 2015); tiền sự: không; tiền án: ngày 15/4/2021 bị Tòa án nhân dân huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 23/02/2023 tại Trại tạm giam số 1 Công an thành phố H (có mặt).

3. Đặng Tuấn N, sinh năm 1978; nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn C, xã C, huyện T, thành phố Hà Nội; giới tính: nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 07/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Xuân Đ và bà Nguyễn Thị Đ1; có vợ là Trần Thị P và 01 con sinh năm 2004; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: (1) ngày 10/01/2003 bị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tây xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, (2) ngày 16/01/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 01 năm 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và (3) ngày 29/5/2017 bị Công an huyện T, thành phố Hà Nội xử phạt vi phạm hành chính 750.000 đồng về hành vi “Đánh nhau”; biện pháp ngăn chặn: cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

Người bào chữa cho các bị cáo:

+ *Người bào chữa cho bị cáo Ngô Thị Kim L*: Ông Đặng Văn C và bà Trần Thị Thanh L2, Luật sư của Văn phòng L4 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt).

+ *Người bào chữa cho các bị cáo Lê Viết H, Đặng Tuấn N*: Ông Hoàng Ngọc Thanh B, Luật sư của Văn phòng L5 và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố H (có mặt).

- ***Bị hại***: Anh Hà Đình Đ2, sinh năm 1997; địa chỉ: Xóm F, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương (vắng mặt).

Ngoài ra, vụ án còn có 03 bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị (Tòa án không triệu tập).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2019, Ngô Thị Kim L có quan hệ quen biết với Lê Viết H và Lê Khắc H1 (sinh năm 1984; trú tại thôn A, xã X, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; thuê trọ ở số nhà H, ngõ H, đường T, thôn T, xã T, huyện T, Hà Nội).

Qua hoạt động kinh doanh tiền ảo Best4FX, khoảng tháng 7/2019 L có quan hệ quen biết với anh Hà Đình Đ2 (là bị hại trong vụ án). Sau đó, L đã nhờ anh Đ2 lập tài khoản (ví điện tử) để kinh doanh tiền ảo thông qua sàn giao dịch tiền ảo Best4FX, lợi nhuận được trả bằng đồng ETH (đồng tiền ảo). Quá trình kinh doanh tiền ảo, đến tháng 12/2019 L kiểm tra tài khoản (ví điện tử) phát hiện bị thất thoát 139 đồng ETH (quy đổi tại thời điểm này tương đương 1.000.000.000 đồng), L cho rằng anh Đ2 là người đã lấy số tiền trên nên nhiều lần tìm gặp anh Đ2 để đòi tiền. Anh Đ2 cho rằng mình không lấy tiền ảo của L nên sau khi gặp L một vài lần anh Đ2 đã trốn tránh, không gặp.

Khoảng tháng 6/2021, L nhờ Lê Khắc H1 và Lê Viết H đòi tiền anh Đ2 và được H1, H đồng ý. Ngày 21/6/2021, H1 và H cùng L hẹn gặp anh Đ2 tại khu vực thôn T, xã T, huyện T, Hà Nội để chốt số tiền anh Đ2 nợ. Tại đây, anh Đ2 tự nhận mình là người tư vấn cho L đầu tư dẫn đến việc L bị thất thoát tiền ảo; mặt khác do bị L, H và H1 thúc ép trả tiền nên anh Đ2 đã viết giấy nhận nợ L 139 đồng ETH

(quy đổi tại thời điểm này tương đương số tiền là 12.000.000.000 đồng), hẹn trả dần hàng tháng. Tính đến tháng 10/2021, anh Đ2 đã trả cho L được tổng số tiền là 384.000.000 đồng, tương đương 07 đồng ETH; còn lại 132 đồng ETH thì anh Đ2 chưa trả. Số tiền đòi được của anh Đ2, L đã trả tiền công cho H1 và H là 34.000.000 đồng. Đến đầu tháng 3/2022, do không liên lạc được với anh Đ2 và không thấy anh Đ2 trả tiền, L tìm hiểu thì biết anh Đ2 đang kinh doanh bất động sản tại khu vực đường L - H, thuộc huyện T, Hà Nội nên tiếp tục nhờ H và H1 tìm anh Đ2 đòi nợ. L thống nhất sẽ chia cho H và Hiên 50% của số tiền đòi được từ anh Đ2.

Đề đòi nợ cho L, H và H1 đã nhờ Nguyễn Trọng T1 (sinh năm 1985; trú tại thôn Đ, xã P, huyện Q, Hà Nội) làm việc tại Văn phòng B1 ở Thôn B, xã T, huyện T, Hà Nội tìm anh Đ2. T1 đồng ý và nói với H, H1 sắp xếp để T1 gặp trực tiếp L, trao đổi cụ thể với L về việc đòi anh Đ2 trả nợ.

Ngày 18/3/2022, H và H1 dẫn L đến Văn phòng B1 gặp T1. Sau khi trao đổi, T1 thống nhất với L về việc tìm anh Đ2 để đòi nợ cho L. H đã viết giấy ủy quyền có nội dung: “... Bên ủy quyền: Bà Ngô Kim L, sinh năm 1961, nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: phường L, quận Đ, Hà Nội, giao cho bên được ủy quyền (Nguyễn Trọng T1, Lê Viết H) được quyền làm việc và nhận số tiền trị giá 139 ETH quy đổi tiền Việt nam đồng mà Hà Đình Đ2, sinh năm 1997 ở V, N, Hải Dương chiếm đoạt của bà Ngô Kim L theo giấy cam kết nhận trách nhiệm. Thời gian ủy quyền là 01 tháng kể từ ngày 18/3/2022 đến ngày 18/4/2022. Bên ủy quyền Ngô T K ký tên, bên được ủy quyền Nguyễn Trọng T1, Lê Viết H ký tên...”. Theo thỏa thuận, H và T1 có trách nhiệm tìm anh Đ2 để đòi nợ cho L 132 đồng ETH; khi đòi được thì L sẽ trả cho nhóm H, T1 và H1 50% trên tổng số tiền đòi được của anh Đ2 (trong đó, H và H1 được hưởng 25%, còn T1 được hưởng 25%). Cả nhóm bàn bạc, thống nhất về việc tìm gặp anh Đ2, hẹn anh Đ2 ra quán cà phê, đòi toàn bộ số đồng ETH (quy đổi ra tiền Việt Nam thời điểm hiện tại khoảng hơn 9.000.000.000 đồng) và yêu cầu Đ2 phải trả hết toàn bộ số tiền này một lần, nếu Đ2 không còn đồng ETH hoặc tiền Việt Nam thì phải viết giấy chuyển nhượng cho L các tài sản có giá trị (như nhà, đất, xe ô tô...) để trừ vào khoản nợ.

Sau khi thống nhất xong, H gửi ảnh và số điện thoại của anh Đ2 qua ứng dụng Zalo cho T1. Trình tìm hiểu và biết được việc anh Đ2 đang đăng thông tin rao bán 01 mảnh đất ở huyện T, Hà Nội. Đến khoảng 12 giờ ngày 22/3/2022, T1 gọi điện thoại đến số 0969193823 của anh Đ2 nói dối là muốn mua mảnh đất do anh Đ2 đăng tin bán và hẹn gặp anh Đ2 vào hồi 14 giờ 30 phút tại quán C1 ở Thôn B, xã T, huyện T để bàn chuyện mua bán đất; anh Đ2 đồng ý. Hẹn được anh Đ2 xong, T1 gọi điện thoại thông báo cho H biết; H tiếp tục thông báo cho L và H1 biết; H1 đã rủ Trần Văn H2 (không rõ địa chỉ cụ thể) đi cùng, mục đích nhờ H2 mở ví điện tử và chuyển tiền điện tử từ máy điện thoại của anh Đ2. Để việc đòi nợ có kết quả, qua đó lấy được tiền công do L trả, T1 đã gọi điện thoại cho bạn là Đặng Tuấn N (là đối tượng xã hội có nhiều tiền án) và Nguyễn Phùng T2 (sinh năm 1992; trú tại xóm C, thôn S, xã S, huyện Q, Hà Nội) nhờ cùng đến quán C1 để hỗ trợ T1 trong việc đòi anh Đ2 trả nợ.

Khoảng 13 giờ cùng ngày 22/3/2022, L đi xe ô tô buýt từ nhà tại số A, ngõ B, đường X, phường X, quận B, Hà Nội; H cùng H1, H2 và một thanh niên tên T3 (không rõ địa chỉ cụ thể; là bạn của H2) đi bằng 02 xe máy từ nhà trọ của H1 tại số nhà H, ngõ H, xã T, huyện T, Hà Nội; tất cả gặp nhau tại Văn phòng B1 ở Thôn B, xã T, huyện T. Sau đó, T1 điều khiển xe ô tô nhãn hiệu KIA màu trắng, biển kiểm soát 30F-138.11 đưa L cùng H, H1, H2 và T3 đến quán C1. Tại đây, T1 sắp xếp để L cùng H và H1 ngồi ở vị trí khuất phía bên trong của quán, còn T1 ngồi ở bàn phía bên ngoài đợi anh Đ2. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, N đến quán cà phê Hòa L3 và ngồi ở bên tay trái của T1. T1 đã đưa cho N xem giấy nhận nợ của anh Đ2 cùng giấy L uỷ quyền cho T1 và nhờ N hỗ trợ việc đòi nợ.

Khoảng 05 phút sau, anh Đ2 cùng chị Nguyễn Thị T4 (sinh năm 1996; trú tại thôn Đ, xã H, huyện L, tỉnh Hòa Bình; là bạn của anh Đ2) và anh Cao Xuân N2 (sinh năm 1991; trú tại thôn T, xã M, huyện H, tỉnh Thái Bình) đi xe ô tô hiệu Kia - Cerato, biển kiểm soát 34A-547.57 đến quán C1. Đến nơi, anh Đ2 xuống xe vào bàn ngồi phía bên tay phải của T1, còn chị T4 và anh N2 ngồi ở phía đối diện với T1. Một lúc sau, Nguyễn Phùng T2 và chị Ngô Thị T5 (sinh năm 1989; trú tại thôn C, xã V, thành phố L, tỉnh Lào Cai; là bạn gái T2) đi đến vào quán ngồi cùng bàn với T1. Ngay sau đó, T1 đứng dậy, đi vào bên trong thông báo cho nhóm của L biết về việc anh Đ2 đã đến. L cùng H, H1 và H2 đi ra bàn anh Đ2 đang ngồi. T1 bảo chị T4 và anh N2 sang bàn khác ngồi để nói chuyện riêng với anh Đ2. Đến thời điểm này, anh Đ2 mới biết việc T1 gọi đến quán cà phê không phải để mua bán đất mà để cho L đòi nợ. Diễn biến sự việc cụ thể như sau:

- Lúc này, T1 (ngồi sát bên trái của anh Đ2) nói: *“Tất cả mọi người ổn định để giải quyết công việc”*; đồng thời T1 dùng tay phải vỗ vào vai anh Đ2 để đe dọa và nói: *“Mày có biết đất này là đất của tao không? Có biết anh S1 là ai không? Trả cô ấy đi”*. Do thấy nhóm của L và T1 đông người nên anh Đ2 sợ, trả lời: *“Vâng em biết rồi”*.

- L (ngồi cùng bàn, phía đối diện với anh Đ2) nói: *“Mấy tháng trời rồi mày không trả tiền, tao đã lên đến đây rồi, không có cũng phải vay, mượn tiền trả tao”*. Anh Đ2 nói: *“Vâng, để con cố gắng xoay trả”*.

- H (ngồi ở phía bên phải của anh Đ2) nói: *“Thế bây giờ chủ tính thế nào? Mấy tháng trước dịch, bọn anh không gọi cho chủ nhưng chủ không trả nên bọn anh phải tìm lên đây. Ở cái đất này chủ trốn đâu bọn anh cũng tìm ra, xã hội thì ở đâu anh cũng có, tìm chủ để thôi”*; anh Đ2 thấy bị đe dọa nên không nói gì.

- Hiên (ngồi đối diện với anh Đ2) nói: *“Mày trốn sao được bọn anh, đi đâu bọn anh biết hết”*; L tiếp tục nói: *“Bây giờ không quy ra ETH nữa mà quy ra tiền Việt, chốt lại trừ cả tiền đã trả rồi là 9.650.000.000 đồng, nay phải trả tao số lẻ 650.000.000 đồng cho tròn còn 9.000.000.000 đồng”* thì anh Đ2 nói không có tiền.

- Thấy L, T1, H và H1 liên tục đe dọa đòi anh Đ2 trả tiền, N (đang ngồi bên phải T1) nói với anh Đ2: *“Cô ấy nhiều tuổi rồi, em còn trẻ, có tiền thì trả cho cô ấy”*. Khi anh Đ2 nói không có tiền mặt, L yêu cầu anh Đ2 chuyển tiền điện tử cho L. Anh Đ2 bảo cũng không có tiền điện tử nên L bắt anh Đ2 đưa điện thoại để

kiểm tra. Do sợ nên anh Đ2 đã đưa chiếc điện thoại hiệu Oppo Reno5 của mình, mở mật khẩu của máy, ví điện tử theo yêu cầu của nhóm L. H2 là người kiểm tra tài khoản ngân hàng, ví điện tử ở trong điện thoại của anh Đ2. Qua kiểm tra, H2 nói với cả nhóm trong tài khoản của anh Đ2 không có tiền Việt Nam, trong ví điện tử có tiền ảo nhưng không giao dịch được. Trong lúc H2 kiểm tra điện thoại của anh Đ2, T1 đi vào lối giữa 02 bàn, đứng bên trái anh Đ2 rồi dùng tay phải vỗ 03 cái vào vai anh Đ2, bảo trả tiền cho L.

- Sau khi kiểm tra điện thoại của anh Đ2 thấy không có tiền, L cùng T1 và H nói với anh Đ2 hôm nay phải có phương án trả tiền, nếu có đất, xe ô tô thì viết giấy chuyển nhượng cho L để trả nợ. H đã lấy giấy, bút ở trong cặp của H mang đi từ trước đưa cho T1; T1 yêu cầu anh Đ2 viết nhưng anh Đ2 nói xe ô tô của người khác, nhà đất không có nên không viết. Khi anh Đ2 không viết, L cùng T1, H và H1 tiếp tục đe dọa anh Đ2 yêu cầu trả tiền. Do sợ bị đánh nên anh Đ2 xin T1 đi ra khu vực phía bàn bên ngoài gọi điện thoại cho người quen để vay tiền, T1 đồng ý và T2 đứng dậy đi theo mục đích không để cho anh Đ2 bỏ trốn. Sau đó, anh Đ2 hỏi vay được của chị Nguyễn Thị T4 số tiền 20.000.000 đồng và chị T4 chuyển tiền từ tài khoản số 3280199699999 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Q (M) đến tài khoản số 19036136236011 của anh Đ2 mở tại Ngân hàng K1 (T6). Nhận được tiền của chị T4, anh Đ2 chuyển tiếp đến tài khoản số 0451000350764 của L mở tại Ngân hàng N4 (V1) rồi đi vào ngồi giữa L và T1.

- Thấy tài khoản có tiền do anh Đ2 chuyển đến, L nói trả 20.000.000 đồng là quá ít, yêu cầu phải trả thêm thì anh Đ2 nói không vay được tiền nữa. Lúc này, T1 (đang ngồi bên trái anh Đ2) dùng tay phải bóp vào sau gáy, ghé sát mặt vào anh Đ2 và nói: *“Mày thừa có khả năng xoay sở trả cô, mà mày cứ lòng vòng, làm mất bao nhiêu thời gian của mọi người. Đ.mẹ mày, nhanh con mẹ mày lên, nhanh còn kịp, ý mày thế nào?”*; vừa đe dọa, T1 vừa dùng tay phải vỗ 03 đến 04 cái vào đầu anh Đ2. Do sợ bị đánh, anh Đ2 tiếp tục xin T1 cho ra ngoài để gọi điện thoại vay tiền. Sau khi vay được bạn là anh Hà Văn U (sinh năm 1991; trú tại thôn V, xã V, huyện N, tỉnh Hải Dương) số tiền 30.000.000 đồng, anh Đ2 chuyển tiếp số tiền vay được đến tài khoản của L rồi đi vào bàn ngồi. Nhận được thêm 30.000.000 đồng, L vẫn không đồng ý, tiếp tục bắt anh Đ2 phải trả thêm. L nói: *“Trả quá ít, nếu không có tiền mặt thì phải có động thái tích cực, có tài sản nhà, xe, đất mua sắm ở đâu thì bây giờ bán đi để trả nợ cho tao, không thể kéo dài được...”*; còn T1 nói: *“Nếu không có tiền thì có xe, có đất, có gì có giá trị thì quy đổi ra tiền trả cho L”*.

- Do không thể vay được thêm tiền và sợ nhóm L và T1 đánh, anh Đ2 giả vờ xin T1 cho đi vệ sinh, mục đích để báo tin cho cơ quan công an. Thấy anh Đ2 xin đi vệ sinh, T1 nói với T2: *“Thằng T2 đứng dậy”*, mục đích bảo T2 đi theo giám sát anh Đ2, không để anh Đ2 bỏ trốn. Khi T2 chưa kịp đứng dậy, T1 chửi T2: *“Đ.mẹ thằng T2, không biết việc gì cả, chả nhẽ tao lại đá cho phát vào mặt”*. Sau đó, anh Đ2 đi vào khu vực nhà vệ sinh, nhắn tin qua điện thoại nhờ bạn trình báo sự việc đến Công an huyện T. Trình ngồi ở bàn uống nước, thấy anh Đ2 ở trong nhà vệ sinh lâu nên đi vào nhà vệ sinh gọi cửa. Anh Đ2 mở cửa đi ra thì T1 chỉ tay vào mặt anh Đ2, nói: *“Ý mày thế nào? Cái xe có phải của mày không? Có xuống được*

không?”, mục đích hỏi anh Đ2 về chiếc xe ô tô anh Đ2 đi đến quán Cà phê có phải của anh Đ2 không, có viết giấy bán cho L để trừ nợ được không; đồng thời T1 lao vào dùng tay đâm liên tiếp vào ngực, cổ và dùng chân đá vào sườn, ngực của anh Đ2, bắt Đ2 ra gặp L để tiếp tục giải quyết về việc trả nợ. Anh Đ2 sợ, xin T1 không đánh nữa và đi theo T1, T2 ra bên ngoài. Đến bàn nơi nhóm L ngồi, T1 chỉ tay bắt anh Đ2 đi vào chỗ ngồi và nói: *“Nhanh lên, không tý tao lại cho vào nhà vệ sinh”*. Lúc này, L cùng T1 và H tiếp tục bắt anh Đ2 trả tiền; L tiếp tục yêu cầu anh Đ2 phải trả đủ số lẻ là 650.000.000 đồng, còn lại 9.000.000.000 đồng thì phải viết giấy, cho phương án trả dần. Anh Đ2 tiếp tục gọi điện thoại cho bạn bè hỏi vay tiền nhưng không vay được. Đến 17 giờ cùng ngày, khi tất cả đang ở quán cà phê thì Công an xã T, huyện T đến yêu cầu tất cả về trụ sở Công an huyện T để làm rõ sự việc.

Ngày 23/02/2023 và ngày 27/02/2023, Nguyễn Trọng T1, Lê Viết H, Lê Khắc H1, Nguyễn Phùng T2 và Ngô Thị Kim L đã bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, thành phố Hà Nội bắt giữ để điều tra về hành vi cướp tài sản.

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ vật chứng, tài sản và đồ vật liên quan. Trong đó, đã thu giữ của anh Đại Hồng N3 (sinh năm 1992; trú tại số nhà B, phố H, phường Đ, quận H, Hà Nội; là chủ quán C1) 02 đoạn Video được trích xuất từ hệ thống Camera giám sát của quán cà phê Hòa L3 có nội dung ghi lại hình ảnh tại quán cà phê Hòa L3 vào buổi chiều ngày 22/3/2022.

Tại Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể của anh Hà Đình Đ2 do Công an huyện T lập hồi 20 giờ 30 phút ngày 22/3/2022 thể hiện: *“... Anh Hà Đình Đ2 bị 01 vết bầm tím mặt ngoài trên khuỷu tay trái, kích thước (05x05)cm; 01 vết trượt xước da dưới cổ bả vai trái, kích thước (1,8x0,2)cm và 01 vết xước da dưới sau dải tai trái, kích thước (1,3x0,2)cm...”*.

Tại bản Kết luận định giá tài sản ngày 21/7/2022 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự huyện T kết luận: *“... chiếc xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato màu đỏ, biển kiểm soát 34A- 47.57, có số khung RNYE41A6JKC133137, số máy G4FGH60465, tại thời điểm ngày 22/3/2023 có giá trị là 437.375.000 đồng”*.

Tại Cơ quan điều tra: Ngô Thị Kim L khai anh Hà Đình Đ2 có nợ số tiền 139 ETH cùng số tiền gốc để đầu tư là 2.000.000.000 đồng, anh Đ2 đã trả 07 ETH và còn nợ 132 ETH tương đương 9.650.000.000 đồng. Anh Đ2 không thừa nhận đã nợ L số tiền trên và khai năm 2019 có tư vấn cho L kinh doanh tiền ảo, đến năm 2020 thì thị trường bị sập, L nghi ngờ anh Đ2 lấy 139 ETH của L. Do bị L gây sức ép, yêu cầu anh Đ2 phải có trách nhiệm và viết giấy nhận nợ nên anh Đ2 đã hỗ trợ trả tiền cho L. Tài liệu điều tra thu thập, không đủ căn cứ xác định anh Đ2 đã lấy 139 ETH trong tài khoản của L.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra vụ án, anh Hà Đình Đ2 không yêu cầu bồi thường dân sự, từ chối giám định thương tích và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Ngô Thị Kim L, Nguyễn Trọng T1, Lê Viết H, Lê Khắc H1, Đặng Tuấn N và Nguyễn Phùng T2.

2. *Tại bản Cáo trạng số 40/CT-VKS-P2 ngày 24/01/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:* Truy tố Ngô Thị Kim L, Nguyễn Trọng T1, Lê Khắc H1, Lê Viết H, Đặng Tuấn N, Nguyễn Phùng T2 về tội “Cướp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 168 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

3. *Tại phiên tòa sơ thẩm:*

Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các bị cáo không có mục đích cướp tài sản của bị hại mà chỉ yêu cầu bị hại trả lại tiền cho bị cáo L theo như đúng cam kết của bị hại trước đó; các bị cáo không có hành vi đánh, đập, đe dọa, ép buộc bị hại nhằm mục đích phải trả tiền; việc bị cáo T1 đánh bị hại trong nhà vệ sinh là hành vi tự phát của T1 do bị hại mở cửa làm đập vào mặt của T1 chứ không có sự bàn bạc, thống nhất với các bị cáo khác từ trước; việc bị hại trả số tiền 50 triệu đồng cho bị cáo L là tự nguyện.

Những người bào chữa cho các bị cáo cho rằng: Chưa đủ cơ sở xác định hành vi của các bị cáo L, H1, T1 phạm tội “Cướp tài sản” vì: các bị cáo không có sự bàn bạc chiếm đoạt tài sản của bị hại, không chuẩn bị hung khí, không đe dọa, ép buộc bị hại phải đưa tiền cho bị cáo L. Việc bị cáo T1 đánh bị hại là hành vi mang tính bột phát do bức xúc với hành vi của bị hại, không phải nhằm mục đích chiếm đoạt tài sản, không có sự bàn bạc với các bị cáo khác. Số tiền Cáo trạng quy kết các bị cáo phạm tội chưa rõ là 50 triệu đồng hay 650 triệu đồng hay 9,650 tỷ đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

4. *Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 223/2024/HS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã quyết định:*

Tuyên bố các bị cáo Ngô Thị Kim L, Nguyễn Trọng T1, Lê Khắc H1, Lê Viết H, Đặng Tuấn N, Nguyễn Phùng T2 phạm tội “Cướp tài sản”.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 168; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; (thêm điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo H; Điều 54 đối với các bị cáo H, Nam); Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Ngô Thị Kim L 13 (mười ba) năm tù.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Trọng T1 13 (mười ba) năm tù.
- Xử phạt bị cáo Lê Viết H 11 (mười một) năm tù.
- Xử phạt bị cáo Lê Khắc H1 10 (mười) năm tù.
- Xử phạt bị cáo Đặng Tuấn N 10 (mười) năm tù.
- Xử phạt bị cáo Nguyễn Phùng T2 10 (mười) năm tù.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng; nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm; phổ biến quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

5. *Kháng cáo:*

Ngày 23/4/2024, bị cáo Ngô Thị Kim L có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 26/4/2024, bị cáo Lê Viết H có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm với nội dung xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 02/5/2024, bị cáo Đặng Tuấn N có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm với nội dung xin được hưởng án treo.

6. Tại phiên tòa phúc thẩm:

6.1. Các bị cáo Ngô Thị Kim L, Lê Viết H, Đặng Tuấn N giữ nguyên kháng cáo và trình bày ý kiến của mình như sau:

- Bị cáo Ngô Thị Kim L cho rằng: Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo phạm vào tội cướp tài sản là không đúng. Thực ra bị cáo chỉ lấy lại tài sản của mình đã bị Đ2 lấy, chính Đ2 là người dụ dỗ và hướng dẫn bị cáo tham gia vào việc đầu tư tiền ảo, khi bị cáo được hưởng lợi thì Đ2 lại rút số tiền đó của bị cáo ra, bị cáo đã đòi nhiều lần nhưng Đ2 không trả. Bị cáo thừa nhận có nhờ H1 gặp Đ2 để đòi nợ nhưng không có việc bị cáo trao đổi với T1 và các bị cáo khác về phương thức đòi nợ. Khi gặp Đ2 tại quán cà phê, bị cáo và các bị cáo khác chỉ nói chuyện nhẹ nhàng, không có việc cưỡng ép, đe dọa, đánh đập. Bị cáo không nhận thức được việc làm của bị cáo có vi phạm pháp luật hay không.

- Bị cáo Lê Viết H đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh đối với bị cáo, bởi vì: Theo nhận thức của bị cáo thì ngày hôm đó bị cáo nói chuyện với Đ2 chỉ là quan hệ dân sự. Việc T1 đánh Đ2 trong nhà vệ sinh thì quá trình điều tra bị cáo mới biết nhưng đó là việc riêng của T1, Trình tự ý làm nên Trình phải tự chịu trách nhiệm. Nếu xác định bị cáo có tội thì với hành vi của bị cáo chỉ là cưỡng đoạt tài sản, còn hành vi của bị cáo T1 có thể là cướp tài sản.

- Bị cáo Đặng Tuấn N đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về tội danh của bị cáo, bởi vì: Ngày hôm đó bị cáo có mặt ở quán cà phê là do T1 lừa bị cáo, T1 nói rằng đi uống nước và xem đất chứ không nói là đi đòi nợ. Tại quán cà phê, bị cáo chỉ ngồi uống nước và nói chuyện với cô T5, sau đó khoảng 10 phút thì nhóm bị cáo L đến thì bị cáo mới biết là không phải thế. Do đó, bị cáo không có tội, bị kết án oan; hiện nay bị cáo chỉ có 50% sức khỏe, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét đúng người, đúng tội giúp cho bị cáo.

6.2. Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Trong quá trình tố tụng tại Tòa án cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác chấp hành nội quy phiên tòa và thực hiện đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung:

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đều thay đổi nội dung kháng cáo từ xin giảm nhẹ hình phạt sang kháng cáo kêu oan, xét thấy: Mặc dù các bị cáo khai nhận không có hành vi ép buộc, đe dọa, hành hung anh Đ2; việc bị cáo T1 đánh anh Đ2 các bị cáo đều không biết và không chịu trách nhiệm về hành vi cùng T1 đánh anh Đ2. Tuy nhiên, căn cứ các lời khai của những người làm chứng, lời khai của các bị

cáo khác, hình ảnh trích xuất từ camera thì có cơ sở xác định các bị cáo đã thực hiện hành vi đe dọa, ép buộc, dùng vũ lực đối với bị hại kéo dài từ khoảng 14 giờ đến 17 giờ ngày 22/3/2022, làm cho bị hại sợ hãi phải vay tiền của các bạn bè mình để chuyển cho L 50 triệu đồng nhưng các bị cáo không đồng ý, vẫn bắt bị hại phải vay mượn tiền hoặc gán tài sản để có tiền trả thêm cho L và viết giấy nhận nợ 09 tỷ đồng. Sau đó, do lo sợ bị đánh nên bị hại phải lén nhờ chị T4, anh N3 trình báo Công an, cho đến khi lực lượng Công an có mặt yêu cầu tất cả các đối tượng về trụ sở làm việc thì sự việc mới chấm dứt. Ý thức chiếm đoạt tài sản của các bị cáo còn thể hiện: Ngay từ đầu các bị cáo đã rủ đối tượng H2 đi cùng với mục đích để H2 mở ví điện tử trên điện thoại của anh Đ2 và chuyển tiền điện tử ETH sang tài khoản của L khi anh Đ2 không đồng ý, nhưng do tài khoản của anh Đ2 không có tiền ETH nên các bị cáo không thực hiện được hành vi này; mặt khác, khi đến quán cà phê thấy anh Đ2 đi cùng anh N3, chị T4, các bị cáo đã buộc những người này ra chỗ khác để cô lập, cách ly bị hại nhằm dễ khống chế, đe dọa, ép buộc bị hại. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội “Cướp tài sản” là đúng người, đúng tội và không oan.

Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo và xử phạt bị cáo L 13 năm tù, bị cáo H 11 năm tù và bị cáo N 10 năm tù là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không xuất trình được tình tiết nào mới, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

6.3. Luật sư Đặng Văn C trình bày luận cứ bào chữa cho bị cáo Ngô Thị Kim L:

Bị cáo L bổ sung kháng cáo đề nghị xem xét về tội danh là có cơ sở, bởi vì: Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng các bị cáo cùng thống nhất ý chí dùng vũ lực để uy hiếp anh Đ2 là không đúng. Kết quả điều tra, truy tố, xét xử đều không có cơ sở xác định bị cáo L dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực khiến cho anh Đ2 không thể chống cự được để chiếm đoạt tài sản; cũng không có cơ sở quy kết các bị cáo dùng số đông uy hiếp anh Đ2; mặc dù bị cáo T1 có hành vi đánh anh Đ2 nhưng không có căn cứ khẳng định các bị cáo khác đồng tình với hành vi của T1. Trong lời khai của anh Đ2 thể hiện các bị cáo chỉ có lời nói để đòi nợ, tất nhiên là có lời qua tiếng lại và có những lời lẽ hăm dọa nhưng không có hành vi nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực. Tại phiên tòa, bị cáo L không thừa nhận có hành vi dùng vũ lực và biết việc T1 đánh anh Đ2 nên chỉ có thể xem xét về tội danh “Cưỡng đoạt tài sản” đối với bị cáo L và các bị cáo khác.

Về hình phạt, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo L là không phù hợp với quy định của pháp luật. Cần phải đánh giá toàn bộ sự việc một cách liên mạch, bắt đầu từ việc bị cáo L quen biết Đ2 như thế nào, đầu tư để Đ2 đầu tư vào tiền ảo như thế nào và việc Đ2 thừa nhận chiếm đoạt tiền của bị cáo L như thế nào, hứa hẹn trả nợ ra sao. Thực tế Đ2 đã có hành vi chiếm đoạt tiền của bị cáo L và đã trả tiền cho bị cáo L 4 lần, sau đó cắt liên lạc rồi trốn tránh bị cáo L. Bị cáo L đã cao tuổi nên có quyền nhờ người

đi gặp Đ2 để đề nghị Đ2 trả tiền là quan hệ đòi nợ chứ không phải là việc bị cáo chiếm đoạt tài sản của người khác do lòng tham. Nếu buộc các bị cáo phạm tội cưỡng đoạt tài sản thì chỉ tính số tiền là hơn 600 triệu đồng chứ không thể quy kết số tiền chiếm đoạt là hơn 9 tỷ đồng, mặc dù số tiền cùng khung hình phạt nhưng tính chất hoàn toàn khác nhau. Việc quyết định hình phạt phụ thuộc vào tội danh, khung hình phạt, các yếu tố về hành vi, nhân thân và trong vụ án này hành vi phạm tội của các bị cáo đều chưa đạt nên mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên với bị cáo L là quá nghiêm khắc.

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lại tội danh, đánh giá đúng tính chất sự việc, nguyên nhân, diễn biến hành vi phạm tội của bị cáo để có quyết định phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của các bị cáo và đảm bảo tính răn đe của pháp luật.

6.4. Luật sư Hoàng Ngọc Thanh B trình bày quan điểm bào chữa cho bị cáo Lê Viết H và bị cáo Đặng Tuấn N:

Luật sư đồng tình với quan điểm của Luật sư Đặng Văn C về phần tội danh đối với các bị cáo. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xem xét lời khai của bị cáo N tại phiên tòa là bị cáo chỉ được bị cáo T1 rủ đi uống cà phê và xem đất, không biết việc bị cáo T1 rủ đi đòi nợ, không được T1 bàn bạc, thống nhất việc đòi nợ mà sau đó nhóm của Đ2 và L đến bị cáo mới biết việc T1 rủ bị cáo đi đòi nợ. Từ đó, xác định đúng vai trò của các bị cáo H, N và thái độ thành khẩn khai báo của hai bị cáo để có mức hình phạt phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về việc xác định hành vi phạm tội và định tội danh:

Hồ sơ vụ án thể hiện sau khi nhận được tin báo sự việc xảy ra tại quán C1 vào buổi chiều ngày 22/3/2022, Công an xã T đã triển khai lực lượng đến hiện trường yêu cầu toàn bộ những người có liên quan về trụ sở Công an huyện T, thành phố Hà Nội để làm rõ sự việc. Trên cơ sở lời khai ban đầu của những người này và các tài liệu, chứng cứ thu thập được, ngày 11/01/2023 Cơ quan điều tra Công an huyện T, thành phố Hà Nội đã quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can và tiến hành điều tra vụ án theo quy định.

Căn cứ vào lời khai của bị hại, lời khai nhận của các bị cáo, lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng từ khi xảy ra sự việc và trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử; các vật chứng đã thu giữ; hình ảnh được trích xuất từ dữ liệu camera lắp đặt tại quán cà phê trong thời gian xảy ra sự việc; các bản kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập đúng thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

Xuất phát từ việc bị cáo Ngô Thị Kim L cho rằng anh Hà Đình Đ2 đã lấy 139 đồng ETH (đồng tiền ảo) nên L đã nhiều lần tìm gặp anh Đ2 đòi tiền, anh Đ2 cho rằng mình không lấy tiền ảo của L nên sau đó đã trốn tránh, không gặp L. Khoảng tháng 6/2021, L nhờ Lê Khắc H1 và Lê Viết H đến gặp anh Đ2 để đòi nợ và chốt số tiền anh Đ2 nợ. Do bị L, H, H1 thúc ép trả tiền nên anh Đ2 đã viết giấy nhận nợ L 139 đồng ETH (quy đổi tại thời điểm này có trị giá tương đương 12.000.000.000 đồng), hẹn trả dần hàng tháng. Tính đến tháng 10/2021, anh Đ2 đã trả cho L được tổng số tiền là 384.000.000 đồng (tương đương 07 đồng ETH), còn lại 132 đồng ETH thì anh Đ2 chưa trả.

Đến đầu tháng 3/2022, do không thấy anh Đ2 trả tiền và không liên lạc được với anh Đ2, L tiếp tục nhờ H và H1 tìm anh Đ2 đòi nợ. Để đòi nợ cho L, H và H1 đã nhờ Nguyễn Trọng T1 làm việc tại Văn phòng B1 ở Thôn B, xã T, huyện T, Hà Nội tìm anh Đ2; L, H, H1, T1 thống nhất: H và T1 có trách nhiệm tìm anh Đ2 để đòi nợ cho L 132 đồng ETH; khi đòi được thì L sẽ trả cho nhóm H, T1 và H1 50% trên tổng số tiền đòi được.

Sau khi thống nhất xong, T1 tìm hiểu và biết anh Đ2 đang đăng thông tin rao bán 01 mảnh đất ở huyện T nên T1 gọi điện thoại cho anh Đ2 nói dối là muốn mua mảnh đất này và hẹn gặp anh Đ2 vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 22/3/2022 tại quán C1 ở Thôn B, xã T, huyện T để bàn chuyện mua bán đất. Hẹn được anh Đ2 xong, T1 gọi điện thoại thông báo cho H để H tiếp tục thông báo cho L và H1; đồng thời, T1 gọi điện thoại cho Đặng Tuấn N và Nguyễn Phùng T2 đến quán C1 để hỗ trợ Trình trong việc đòi anh Đ2 trả nợ.

Khi các đối tượng đã tập trung tại quán C1, T1 sắp xếp để L cùng H, H1 ngồi ở vị trí khuất phía bên trong của quán, còn T1 và N ngồi ở bàn phía bên ngoài đợi anh Đ2 (T1 đã đưa cho N xem giấy nhận nợ của anh Đ2 cùng giấy L uỷ quyền cho T1 và nhờ N hỗ trợ việc đòi nợ). Khoảng 05 phút sau, anh Đ2 cùng bạn là chị Nguyễn Thị T4 và anh Cao Xuân N2 đi xe ô tô nhãn hiệu Kia Cerato, biển kiểm soát 34A-547.57 đến quán C1. Đến nơi, anh Đ2 xuống xe vào bàn ngồi phía bên tay phải của T1, còn chị T4 và anh N2 ngồi ở phía đối diện với T1. Khi T1 bảo chị T4 và anh N2 sang bàn khác ngồi để nói chuyện riêng với anh Đ2 và thấy L cùng H, H1, H2 đi ra bàn anh Đ2 đang ngồi thì anh Đ2 mới biết việc T1 gọi đến quán cà phê không phải để mua bán đất mà để cho L đòi nợ.

Tại quán cà phê, cả nhóm gồm L, T1, H, H1, N và T2 quây quanh, dùng lời nói đe dọa yêu cầu anh Đ2 phải trả số tiền 650.000.000 đồng, còn lại 9.000.000.000 đồng viết giấy trả dần nhưng anh Đ2 không viết. Do bị đe dọa và bị T1 đánh, anh Đ2 đã hỏi vay được số tiền 50.000.000 đồng trả cho L nhưng cả nhóm vẫn không đồng ý, tiếp tục yêu cầu anh Đ2 có nhà, đất, xe ô tô thì bán đi trả cho L. Do anh Đ2 không vay được tiền và sợ nhóm T1 đánh nên anh Đ2 xin T1 đi vệ sinh (nhằm mục đích để báo tin cho cơ quan Công an). Khi thấy anh Đ2 ở trong nhà vệ sinh lâu, T1 đi vào gọi cửa và khi anh Đ2 đi ra thì T1 đã dùng tay nắm vào ngực, cổ, dùng chân đá vào ngực, sườn anh Đ2 bắt ra gặp L để giải quyết việc trả nợ. Sự việc diễn ra liên tục cho đến 17 giờ 30 phút cùng ngày thì Công an xã T có mặt yêu cầu toàn bộ những người liên quan về trụ sở Công an huyện T để làm rõ sự việc.

Như vậy, nguyên nhân của vụ án này xuất phát từ việc L muốn đòi nợ anh Đ2 139 đồng ETH quy đổi thành tiền Việt Nam đồng nên L đã thỏa thuận và viết giấy ủy quyền cho T1, H đòi nợ anh Đ2. Theo đó, sau khi T1 tìm và liên lạc được với anh Đ2 thì mọi việc diễn ra đều do T1 chủ động sắp đặt: Trình lừa anh Đ2 đến địa điểm do T1 sắp đặt; gọi điện thoại nhờ N, T2 đến hỗ trợ; thông báo cho L, H, H1 biết để đến đòi nợ; sắp xếp mọi người Trình đã gọi đến ngồi ở những vị trí khác nhau nhằm tạo sự bất ngờ khi anh Đ2 có mặt. Đến lúc anh Đ2 cùng bạn là chị T4, anh N2 đến quán cà phê, T1 lập tức yêu cầu chị T4, anh N2 sang ngồi bàn khác rồi cùng các bị cáo khác liên tục thực hiện hàng loạt hành vi đe dọa từ cường độ thấp đến cao nhằm buộc anh Đ2 phải trả tiền cho L ngay lập tức; đến khi anh Đ2 lâm vào tình trạng không thể kháng cự được, đã vay tiền để trả cho L nhưng T1, L và các bị cáo khác vẫn không đồng ý, T1 đã dùng vũ lực đánh anh Đ2 nhằm buộc anh Đ2 phải tiếp tục trả tiền hoặc viết giấy bán tài sản để trả tiền. Với những hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo Ngô Thị Kim L, Lê Viết H, Đặng Tuấn N và các bị cáo Nguyễn Trọng T1, Lê Khắc H1, Nguyễn Phùng T2 phạm vào tội “Cướp tài sản”, thuộc trường hợp “Chiếm đoạt tài sản trị giá 500.000.000 đồng trở lên” quy định tại điểm a khoản 4 Điều 168 của Bộ luật Hình sự; trong đó xác định vai trò đồng phạm của H, N giúp sức cho L, T1 là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Ngô Thị Kim L, Lê Viết H, Đặng Tuấn N đều cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm quy kết không đúng tội danh đối với các bị cáo, bị cáo N còn cho rằng bản thân không có tội là do các bị cáo nhận thức chưa đầy đủ về các quy định của pháp luật. Do đó, ý kiến của các bị cáo và của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo về tội danh không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về việc quyết định hình phạt:

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội và hậu quả từ hành vi phạm tội đặc biệt nghiêm trọng của các bị cáo. Đồng thời, đã xác định đúng vai trò đồng phạm; áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xem xét đặc điểm nhân thân của từng bị cáo. Từ đó, đã quyết định xử phạt Ngô Thị Kim L 13 năm tù, Lê Viết H 11 năm tù, Đặng Tuấn N 10 năm tù, đều dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đã áp dụng chính sách khoan hồng của pháp luật và có phần chiếu cố cho các bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo không giao nộp được thêm tài liệu, chứng cứ nào mới và cũng không chứng minh được có thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nào mới; ý kiến của các Luật sư bào chữa cho các bị cáo đề nghị xem xét về hình phạt đối với các bị cáo đều đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, cân nhắc khi quyết định hình phạt. Vì vậy, kháng cáo của các bị cáo về mức hình phạt Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận. Đối với bị cáo Đặng Tuấn N có kháng cáo xin được hưởng án treo nhưng không đủ điều kiện quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự nên không được chấp nhận.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo Lê Viết H, Đặng Tuấn N phải chịu theo quy định; bị cáo Ngô Thị Kim L là người cao tuổi nên được miễn toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Ngô Thị Kim L, Lê Viết H, Đặng Tuấn N; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 223/2024/HS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về phần tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Ngô Thị Kim L, Lê Viết H, Đặng Tuấn N.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 168; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; (thêm điểm h khoản 1 Điều 52 đối với bị cáo H; Điều 54 đối với các bị cáo H, Nam); Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt bị cáo Ngô Thị Kim L 13 (mười ba) năm tù, về tội “Cướp tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày 27/02/2023.

- Xử phạt bị cáo Lê Viết H 11 (mười một) năm tù, về tội “Cướp tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày 23/02/2023.

- Xử phạt bị cáo Đặng Tuấn N 10 (mười) năm tù, về tội “Cướp tài sản”; thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bắt đầu đi thi hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Ngô Thị Kim L được miễn toàn bộ; các bị cáo Lê Viết H, Đặng Tuấn N mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 223/2024/HS-ST ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Trọng T1, Lê Khắc H1, Nguyễn Phùng T2; xử lý vật chứng; nghĩa vụ chịu án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 14 tháng 8 năm 2024).

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Công an thành phố Hà Nội;
- Sở Tư pháp thành phố Hà Nội;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Nội;
- Các bị cáo; người bào chữa cho bị cáo;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Xuân Điền